

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ
thuộc Chương trình KH&CN phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ
đặt hàng để tuyển chọn thực hiện trong năm 2017**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) về việc quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý hoạt động của Chương trình KH&CN cấp Quốc gia giai đoạn 2014-2019 “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” (Chương trình Tây Nam Bộ);

Căn cứ Quyết định số 1766/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ KH&CN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý hoạt động của Chương trình Tây Nam Bộ;

Căn cứ công văn số 706/BKHCN-XHTN ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ KH&CN về việc danh mục nhiệm vụ KH&CN năm 2017 lĩnh vực tự nhiên, công nghệ và môi trường thuộc Chương trình Tây Nam Bộ;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, môi trường thuộc Chương trình Tây Nam Bộ đặt hàng để tuyển chọn thực hiện trong năm 2017 (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).



Điều 2. Giao Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ chủ trì tổ chức thông báo nội dung nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn.

Điều 3. Giao Ban Khoa học và Công nghệ chủ trì:

- Tiến hành việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ nêu tại Điều 1.
- Căn cứ kết quả tuyển chọn trình Giám đốc ĐHQG-HCM, đồng chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ phê duyệt danh sách các tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, môi trường.

Điều 4. Trưởng ban Ban Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KH&CN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Anh Đức

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TÂY NAM BỘ ĐẠT HÀNG ĐỀ TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 150 /QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM)

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
1	Nghiên cứu tạo, chọn các giống lúa chống chịu mặn thích nghi với biến đổi khí hậu cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)	- Chọn được giống lúa chống chịu mặn, có năng suất ổn định, chất lượng tốt, chống chịu được những loại sâu bệnh phổ biến tại ĐBSCL, có thể được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng địa lý khác nhau và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu ở ĐBSCL. - Tạo ra các giống lúa thuần có năng suất cao, có phẩm chất gạo tốt, có khả năng chống chịu điều kiện môi trường bất lợi và chống chịu mặn.	- Chọn được giống lúa chống chịu mặn, có năng suất ổn định, chất lượng tốt, chống chịu được những loại sâu bệnh phổ biến tại ĐBSCL, có thể được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng địa lý khác nhau và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu ở ĐBSCL. - Tạo ra 01- 02 giống lúa thuần có năng suất trên 7 tấn/ha ở vụ Đông Xuân có phẩm chất gạo tốt, chống chịu mặn (trên 2‰) ở giai đoạn trổ. - Tạo ra 01- 02 giống lúa thuần có năng suất trên 05 tấn/ha vụ Hè Thu có phẩm chất gạo tốt, có khả năng chống chịu điều kiện môi trường bất lợi, chống chịu mặn (trên 4‰) ở giai đoạn đầu vụ (20 ngày đầu). - Xây dựng được quy trình kỹ thuật canh tác giống lúa chịu mặn vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,....	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
2	Xây dựng chuỗi giá trị xoài Việt Nam phục vụ thị trường trong nước và các thị trường xuất khẩu chủ lực.	- Điều tra thực trạng liên kết sản xuất – tiêu thụ xoài của Việt Nam, phát hiện những điểm tồn tại về kỹ thuật, về kinh tế để tìm giải pháp khắc phục. - Bổ sung và cải tiến quy trình xử lý ra hoa rải vụ cho xoài theo hướng an toàn trong điều kiện ảnh hưởng biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay nhất là các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ. - Xây dựng mô hình quản lý cây trồng tổng hợp trên cây xoài trên một số vùng trồng xoài chính ở Việt Nam theo hướng rải vụ, tăng năng suất, chất lượng, tăng tính cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu thị trường đòi hỏi chất lượng cao. - Xây dựng được các mô hình liên kết sản xuất lớn giữa một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ với doanh nghiệp xuất khẩu thông qua việc tổ chức sản xuất, nghiên cứu nắm bắt thị trường hướng đến sản xuất rải vụ thích hợp, hiệu quả. - Xây dựng được chuỗi giá trị xoài cung cấp cho thị trường trong nước và một số thị trường xuất khẩu chủ lực.	- Xây dựng được 01-02 chuỗi giá trị xoài cung cấp cho thị trường trong nước và một số thị trường xuất khẩu chủ lực. - Xây dựng được 01-02 quy trình xử lý ra hoa rải vụ (cải tiến) cho xoài theo hướng an toàn trong điều kiện ảnh hưởng biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay nhất là các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ. - Xây dựng 01-02 mô hình quản lý cây trồng tổng hợp trên cây xoài trên một số vùng trồng xoài chính ở Việt Nam theo hướng rải vụ, tăng năng suất, chất lượng, tăng tính cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu thị trường đòi hỏi chất lượng cao. - Xây dựng được 01-02 mô hình liên kết sản xuất lớn giữa một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ với doanh nghiệp xuất khẩu (50-150 ha) thông qua việc tổ chức sản xuất, nghiên cứu nắm bắt thị trường hướng đến sản xuất rải vụ thích hợp, hiệu quả. - Xây dựng được 01-02 quy trình sản xuất sản phẩm chế biến từ xoài. - Tập huấn, chuyển giao và hỗ trợ xây dựng 01-02 mô hình liên kết sản xuất lớn cho 1000-2000 nông dân, 05-10 hợp tác xã/ tổ hợp tác, 100-150 cán bộ nông nghiệp địa phương, 03-04 doanh nghiệp lớn. - Xây dựng thương hiệu đại diện cho quốc gia. - Xây dựng trang web với đầy đủ thông tin về kỹ thuật và thông tin thị trường nội địa, xuất khẩu, đối thủ cạnh tranh, thời gian cung ứng, số lượng sản phẩm hướng đến định hướng sản xuất rải vụ thích hợp, hiệu quả, liên kết với trang web các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn một số tỉnh Vùng Tây Nam Bộ. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,....	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
3	Nghiên cứu và phát triển chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường type 2 từ một số loài (đặc hữu) vùng Tây Nam Bộ thuộc chi <i>Hibiscus L.</i> và <i>Decaschistia Wight & Arn.</i> họ Bông (Malvaceae)	- Điều tra, đánh giá trữ lượng và sàng lọc tác dụng hạ đường huyết, chống oxy hóa in vitro của một số loài thuộc chi <i>Hibiscus L.</i> và chi <i>Decaschistia Wight & Arn</i> ở miền Tây Nam Bộ. - Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết của 02 loài <i>Hibiscus sp.</i> và <i>Decaschistia sp.</i> có tác dụng hạ glucose huyết mạnh nhất. - Đánh giá tác dụng hạ glucose huyết và tính an toàn của chế phẩm từ 2 loài trên. - Nghiên cứu phát triển 01 chế phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị đái tháo đường từ các dược liệu đã khảo sát sơ bộ.	- Báo cáo điều tra trữ lượng các loài thuộc chi <i>Hibiscus L.</i> và chi <i>Decaschistia Wight & Arn</i> ở Tây Nam Bộ. - Báo cáo tác dụng hạ đường huyết và chống oxy hóa của các loài thuộc chi <i>Hibiscus L.</i> và chi <i>Decaschistia Wight & Arn</i> ở miền Tây Nam Bộ. - 30.000 viên nang cứng hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường. - 02 chất tinh khiết (100mg mỗi chất) đạt tiêu chuẩn cho kiểm nghiệm 02 loài có tác dụng hạ đường huyết và chống oxy hóa mạnh nhất (mỗi loài 01 chất). - Thành phần hóa học của 2 loài <i>Hibiscus sp.</i> và <i>Decaschistia sp.</i> ở miền Tây Nam Bộ có tác dụng hạ đường huyết và chống oxy hóa mạnh nhất. Mỗi loài có ít nhất 02 chất chính được xác định cấu trúc và có đầy đủ bộ dữ liệu phổ của các chất này. - Quy trình chiết xuất cao định chuẩn giàu hoạt chất có hoạt tính hạ đường huyết và chống oxy hóa. - Tiêu chuẩn kiểm nghiệm và phương pháp thử cho nguyên liệu, cao định chuẩn và thành phẩm trong đó có định lượng chất đánh dấu (marker). - Hồ sơ dược lý về tác dụng hạ đường huyết và hồ sơ xác định độc tính cấp và bán trường diễn của chế phẩm, trong đó có báo cáo tác dụng hạ đường huyết của viên nang cứng. - Công thức bào chế, quy trình sản xuất viên nang cứng của chế phẩm. - Hồ sơ đánh giá độ ổn định của chế phẩm. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh.	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
4	Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ	- Điều tra, tư liệu hóa danh mục các loài cây thuốc thiết yếu có giá trị sử dụng, phân bố tại tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. - Đánh giá hiện trạng, sinh trưởng phát triển, khai thác và sử dụng nguồn cây thuốc trọng tâm tại tỉnh Cà Mau và Kiên Giang gồm Vườn Quốc gia U Minh Thượng, huyện Kiên Lương, huyện Hòn Đất, Vườn Quốc gia Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, Vườn Quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau. - Bảo tồn ex situ một số loài cây thuốc có triển vọng trên các vùng phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau và Kiên Giang.	- Bộ tiêu bản cây thuốc của 02 tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. - Vườn bảo tồn các loài cây quý hiếm, cây thuốc mới. - Vườn cây giống và vườn cây trồng mẫu một số cây thuốc có tiềm năng khai thác sử dụng làm thuốc cao. - Danh mục, bản đồ phân bố cây thuốc tỉnh Kiên Giang và Cà Mau. - Kết quả điều tra trữ lượng một số loài cây thuốc quan trọng. - Báo cáo điều tra tình hình phân bố, khả năng sinh trưởng phát triển, gây trồng cây thuốc tại một số vùng sinh thái đặc thù của các tỉnh (2-3 vùng/Tỉnh). - Báo cáo điều tra hiện trạng sử dụng cây thuốc tại các cơ sở sử dụng, kinh doanh và chế biến dược liệu tại cộng đồng địa phương 02 tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. - Đề xuất quy hoạch bảo tồn và định hướng phát triển dược liệu cho 02 tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. - Quy trình nhân giống, trồng trọt một số loài cây thuốc có tiềm năng. - Bộ hồ sơ đăng ký GACP của một số cây thuốc được trồng. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,...	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
5	Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (NLTS) vùng ven bờ dọc cửa sông Cửu Long	Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ NLTS vùng ven bờ dọc cửa sông Cửu Long nhằm phục hồi và bảo tồn NLTS vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng và cả nước nói chung, góp phần vào sự phát triển chung của ngành thủy sản	- Đánh giá hiện trạng NLTS vùng ven biển sông Cửu Long tại các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng gồm: + Kết quả điều tra thu thập thông tin về các hệ sinh thái đặc trưng, tính đa dạng sinh học, vùng phân bố và sinh sản. + Kết quả khảo sát hiện trạng khai thác thủy sản của người dân tại các tỉnh ven biển sông Cửu Long và công tác quản lý NLTS của các cấp, các ngành tại các địa phương này. + Xây dựng báo cáo hiện trạng NLTS tại các tỉnh ven biển sông Cửu Long. - Các giải pháp bảo tồn và phát triển NLTS vùng ven biển sông Cửu Long theo định hướng như sau: + Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản vùng ven bờ biển sông Cửu Long, đẩy mạnh khai thác xa bờ nhằm tái tạo NLTS tự nhiên. + Giảm thiểu tác động bất lợi đến NLTS tự nhiên như ô nhiễm môi trường, khai thác bằng các ngư cụ cấm, biến đổi khí hậu. + Tăng cường năng lực quản lý NLTS cho các cán bộ ngành thủy sản tại các địa phương. - Xây dựng các mô hình quản lý NLTS vùng ven biển sông Cửu Long gồm: + Sử dụng phương pháp quy hoạch tổng hợp không gian vùng ven bờ dựa trên cách tiếp cận vào hệ sinh thái để xây dựng các mô hình quản lý khai thác và bảo vệ NLTS vùng ven biển sông Cửu Long (cụ thể như mô hình đồng quản lý NLTS dựa vào cộng đồng, mô hình bảo tồn	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
			theo từng hệ sinh thái vùng ven biển,...) + Xây dựng một số mô hình quản lý phù hợp với mục tiêu bảo tồn NLTS và đảm bảo sinh kế của người dân, và phù hợp với từng địa phương nhằm hướng tới sự phát triển bền vững - Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về công tác bảo vệ NLTS cho cán bộ, người dân tại các tỉnh ven biển sông Cửu Long gồm: + Xây dựng bộ tài liệu về thành phần loài thủy sản vùng ven biển sông Cửu Long nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ NLTS. + Tổ chức các cuộc hội thảo, các lớp tập huấn về những quy định, tầm quan trọng, giá trị của NLTS và đa dạng sinh học của vùng ven biển sông Cửu Long, qua đó hình thành ý thức và trách nhiệm bảo vệ NLTS trong cộng đồng. + Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động khuyến ngư, vận động người dân tự giác chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ NLTS. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích cho giải pháp kỹ thuật. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,...	

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
6	Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) vùng Tây Nam Bộ	- Hoàn thiện các kỹ thuật về sản xuất và ương nuôi giống để cải thiện tỷ lệ sống và chất lượng con giống đáp ứng nhu cầu nuôi. - Ứng dụng các cải tiến về kỹ thuật nuôi thương phẩm đã được nghiên cứu và tiếp tục phát triển các kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, giảm giá thành, cải thiện chất lượng sản phẩm, nuôi đạt tiêu chuẩn chứng nhận. - Xây dựng cơ chế về tổ chức sản xuất ngành hàng theo hướng liên kết trong sản xuất và liên kết giữa các địa phương đảm bảo cân đối cung cầu, nâng cao giá trị xuất khẩu. - Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường và giữ được giá trị của sản phẩm cá tra.	- Hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra. - Nâng cao tỷ lệ sống và chất lượng cá giống (từ bột lên giống) đạt 50%. - Nâng cao tỷ lệ sống trong nuôi thương phẩm lớn hơn 80%, hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR) giảm so với thức ăn sử dụng phổ biến hiện tại và đạt chất lượng thương phẩm về màu thịt và mùi, giảm 5-10% giá thành thông qua cải tiến kỹ thuật nuôi. - Xây dựng cơ chế và chính sách phục vụ cho liên kết sản xuất và mô hình mẫu về liên kết sản xuất. - Phát triển 2-3 sản phẩm giá trị gia tăng cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu để tăng giá trị sản xuất. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích cho giải pháp kỹ thuật. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,...	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
7	Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi nghêu bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)	- Đánh giá được hiện trạng nuôi nghêu ở các tỉnh ĐBSCL. - Xác định được nguyên nhân và giải pháp khắc phục hiện tượng nghêu chết hàng loạt trong vùng nuôi. - Xây dựng và triển khai được quy trình nuôi nghêu bền vững với các giải pháp tổng hợp và nâng cao hiệu quả sản xuất.	- Đánh giá được hiện trạng và trở ngại, nguyên nhân và giải pháp đề xuất trong nuôi nghêu hiện nay - Cải tiến kỹ thuật và triển khai được quy trình nuôi nghêu bền vững với các giải pháp tổng hợp, quản lý phòng trừ dịch bệnh hiệu quả các vùng nuôi. Tỷ lệ nghêu chết hàng năm <20% diện tích nuôi. - Hệ thống giám sát và cảnh báo môi trường chất lượng nước. Cung cấp các thông tin về chất lượng nước và cảnh báo kịp thời các thay đổi về môi trường của vùng nuôi nghêu. Các vùng nuôi chính được giám sát và cảnh báo về chất lượng nước và biến động môi trường. - Thực nghiệm, xây dựng được một số mô hình nuôi nghêu mới đạt năng suất cao và hiệu quả, đạt chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng giá trị từ 15-20%. - Một số mô hình tổ chức sản xuất, quản lý vùng nuôi nghêu mang lại hiệu quả được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm và được nhân rộng. 80 % vùng nuôi được tổ chức theo các mô hình được chứng nhận. - Một số sản phẩm giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu nghêu thu hoạch. Tăng 20 – 30 % giá trị so với sản phẩm tiêu thụ hiện nay. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích cho giải pháp kỹ thuật. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,...	Tuyển chọn

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Hình thức tuyển chọn
8	Nghiên cứu giải pháp chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với hạn mặn vùng Tây Nam Bộ, nghiên cứu trường hợp điển hình tại tỉnh Bến Tre	- Xây dựng được các mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững, chủ động theo nguồn nước đảm bảo thích ứng với điều kiện hạn mặn gia tăng như hiện nay và đạt hiệu quả cao về kinh tế và môi trường cho vùng Tây Nam Bộ. - Nghiên cứu khả năng nhân rộng và phát triển mô hình sản xuất phù hợp với tình hình hạn mặn trên quy mô toàn tỉnh Bến Tre.	- Mô hình chuyển đổi sinh kế nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và tổ chức nhân rộng mô hình tại địa phương. - Mô hình thủy lực của hệ thống kiểm soát mặn - ngọt chủ động tại khu vực thí điểm. - Hệ thống quan trắc mặn có thể thu thập và truyền số liệu tự động. - Hệ thống cảnh báo mặn qua mạng điện thoại di động. - Hệ thống kiểm soát mặn - ngọt chủ động thí điểm tại địa phương. - Cơ sở dữ liệu GIS/viễn thám. - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật các mô hình sản xuất thử nghiệm. - Sổ tay mô tả phương pháp đánh giá nhanh năng lực chuyển đổi sinh kế của cộng đồng dân cư ở nông thôn. - Sổ tay hướng dẫn sử dụng phần mềm thu thập thông tin, và quy trình quản lý, sử dụng thông tin thu thập được. - Tập báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu hợp phần xã hội và kinh tế - thể chế. - Tập phụ lục báo cáo tổng kết hợp phần xã hội và kinh tế - thể chế, bao gồm các kết quả số liệu thu thập, kết quả điều tra phỏng vấn dưới dạng bảng biểu, đồ thị và bản đồ. - Tập báo cáo tổng kết hợp phần kỹ thuật, thí điểm mô hình và đào tạo. - Tập phụ lục báo cáo tổng kết hợp phần kỹ thuật, thí điểm mô hình và đào tạo, bao gồm các kết quả số liệu thu thập và kết quả mô phỏng, thông tin danh sách đào tạo, chuyển giao kỹ thuật công nghệ. - Đăng ký bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích. - Công trình công bố: ít nhất 01 bài báo tạp chí trong nước và 01 bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh sách ISI. - Đào tạo sau đại học: ít nhất 01 Thạc sĩ và góp phần đào tạo 01 nghiên cứu sinh. - Tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn, sách tham khảo,...	Tuyển chọn

Danh sách gồm 08 nhiệm vụ./.

OH C.